

Số: 563/BC-UBND

Xã Nguyễn Lương Bằng, ngày 03 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Thực hiện kế hoạch KH,CN,ĐMST&CĐS năm 2026 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2027

Thực hiện Công văn số 2778/SKH-CN-VP, ngày 30/06/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo & Chuyển đổi số (sau đây viết tắt là KH, CN, ĐMST và CĐS) năm 2027.

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch KH,CN,ĐMST&CĐS năm 2026 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2027 với những nội dung chính sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN, ĐMST và CĐS NĂM 2026

1. Tình hình cụ thể hóa và triển khai thực hiện các cơ chế và chính sách

- Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách của Trung ương, tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ban hành đầy đủ các kế hoạch, chương trình và văn bản chỉ đạo để cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của tỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, của thành phố, Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng đã chủ động ban hành các kế hoạch, quyết định cụ thể để triển khai thực hiện nhiệm vụ KH, CN, ĐMST và CĐS trên địa bàn xã.

- Việc triển khai các nhiệm vụ được thực hiện theo đúng nguyên tắc, trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện; tăng cường ứng dụng nền tảng số trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc; từng bước hình thành môi trường làm việc số trong cơ quan nhà nước.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH, CN, ĐMST và CĐS

a) *Hoạt động khoa học, công nghệ*

Ủy ban nhân dân xã đã chủ động rà soát, đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; xây dựng danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026.

b) Đổi mới sáng tạo

- Công tác đổi mới sáng tạo từng bước được quan tâm triển khai thông qua việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Đổi mới sáng tạo thế giới năm 2026; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo đến cán bộ, công chức và Nhân dân.

- Địa phương tích cực đề xuất các bài toán lớn, các nhiệm vụ trọng tâm về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh, quản lý và cung cấp dịch vụ công.

c) Về xây dựng chính quyền số

- 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số và các phần mềm chuyên ngành phục vụ công việc.

- Từ ngày 01/01/2026 đến nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã tiếp nhận 13.780 hồ sơ, trong đó kỳ trước chuyển qua 22 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt 100%, tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 99,83%.

- Xã đã triển khai 02 đường truyền số liệu chuyên dùng; tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức đạt 100%; 100% thôn được phủ sóng di động 4G; xã đã đạt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 2.

d) Về kinh tế số

- Ủy ban nhân dân xã đã đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh, hộ sản xuất áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; khuyến khích sử dụng các nền tảng số trong hoạt động thương mại, dịch vụ.

- Việc chi trả các chế độ chính sách xã hội thông qua tài khoản ngân hàng được triển khai hiệu quả.

đ) Về xã hội số

- Mô hình “Bình dân học vụ số” được triển khai hiệu quả, tổ chức các lớp hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, cán bộ thôn và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; tập trung hướng dẫn sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Các Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cộng đồng dân cư.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực KH, CN, ĐMST và CDS

- Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân xã đã kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06; duy trì hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn.

- Nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các nền tảng số dùng chung của thành phố. Xã bố trí 01 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KH, CN, ĐMST VÀ CDS

1. Tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026

Năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng đã đề xuất kinh phí thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 là **10.122.000.000 đồng** (*Theo Kế hoạch số 234/BC-UBND, ngày 15/10/2025 của UBND xã báo cáo đề xuất, đăng ký nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động cơ quan nhà nước năm 2026*). Tuy nhiên, đến nay nguồn kinh phí hỗ trợ từ cấp trên theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng được cấp về địa phương chưa đủ điều kiện để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch của xã.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân vốn trong 6 tháng đầu năm 2026, ước thực hiện cả năm 2026

- Do nguồn kinh phí cấp trên được phân bổ không đảm bảo theo Kế hoạch của xã nên hầu hết các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa thể triển khai thực hiện, dẫn đến tỷ lệ giải ngân đạt thấp.

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, địa phương chủ yếu sử dụng nguồn kinh phí địa phương để thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết liên quan đến an toàn thông tin và duy trì hoạt động các hệ thống dùng chung, triển khai tập huấn Chuyển đổi số cho Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

Năm 2026, là thời gian có nhiều biến động, đòi hỏi sự thích ứng nhanh chóng, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số. Đối với xã Nguyễn Lương Bằng, việc triển khai các kế hoạch về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như:

a) *Về nhận thức và nguồn nhân lực*: Một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, còn hạn chế trong tiếp cận và sử dụng các nền tảng số. Chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đội ngũ tham mưu chủ yếu kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên còn gặp khó khăn trong triển khai các nhiệm vụ chuyên sâu.

b) *Về hạ tầng và trang thiết bị*: Hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị phục vụ chuyển đổi số phần lớn được đầu tư từ nhiều năm trước, đã xuống cấp, cấu hình thấp và thiếu đồng bộ. Một số phần mềm, cơ sở dữ liệu còn xảy ra lỗi đồng bộ; tốc độ đường truyền tại một số khu vực chưa ổn định.

c) *Về cơ chế, chính sách và nguồn lực tài chính*: Nguồn lực tài chính dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế. Nguồn kinh phí cấp trên chưa đáp ứng được nhu cầu của xã làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho các hoạt động khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở khu vực nông thôn còn gặp nhiều khó khăn.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính sớm có những phương án giải quyết nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 đã được phê duyệt.

- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị, mạng truyền số liệu chuyên dùng và bảo đảm an toàn thông tin cho cấp xã. Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số, an toàn thông tin, quản trị dữ liệu cho cán bộ, công chức cấp xã.

- Hỗ trợ địa phương triển khai các mô hình đổi mới sáng tạo, mô hình chuyển đổi số hiệu quả để nhân rộng trên địa bàn.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của cấp xã.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KH, CN, ĐMST VÀ CDS NĂM 2027

1. Nhiệm vụ chuyển đổi số

1.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng

- *Nội dung:* Khảo sát, thu thập và chuẩn hóa toàn bộ các nguồn dữ liệu hiện có tại địa phương; tổ chức số hóa tài liệu, hồ sơ lưu trữ; xây dựng cấu trúc kho dữ liệu tập trung; thiết lập hệ thống ứng dụng khai thác dữ liệu và dashboard điều hành số cho lãnh đạo xã; tích hợp công nghệ AI hỗ trợ cán bộ, công chức tra cứu, tổng hợp, kết xuất và phân tích dữ liệu chuyên môn chuyên sâu.

- *Kinh phí dự kiến:* **1.000.000.000 đồng** (Một tỷ đồng).

1.2. Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin

- *Nội dung:* Đầu tư, trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị số hóa và thiết bị đầu cuối phục vụ công tác chuyên môn (bao gồm máy vi tính để bàn, máy in, máy quét, máy photocopy và máy in phôi chuyên ngành); ...

+ *Kinh phí đề xuất:* **1.000.000.000 đồng** (Một tỷ đồng).

- *Nội dung:* Mua trang thiết bị phòng họp không giấy.

+ *Kinh phí đề xuất:* **600.000.000 đồng** (Sáu trăm triệu đồng).

- *Nội dung:* Số hóa dữ liệu các di tích

+ *Kinh phí đề xuất:* **160.000.000 đồng** (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

- *Nội dung:* Trang bị Kiot toàn trình cho Trung tâm PVHCC

+ *Kinh phí đề xuất:* **500.000.000 đồng** (Năm trăm triệu đồng).

- *Nội dung:* Điểm danh khuôn mặt và quản lý điều hành

+ *Kinh phí đề xuất:* **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng).

- *Nội dung:* Trang bị hệ thống camera giám sát an ninh tích hợp Camera AI phục vụ công tác an toàn an ninh của xã

+ *Kinh phí đề xuất:* **5.000.000.000 đồng** (Năm tỷ đồng).

- *Nội dung:* Cài đặt bản quyền win, office cho hệ thống máy tính

+ *Kinh phí đề xuất:* **900.000.000 đồng** (Chín trăm triệu đồng).

- *Nội dung:* Trang bị thiết bị mạng đáp ứng tiêu chí theo cấp độ an toàn thông tin cấp độ 2

+ *Kinh phí đề xuất:* **600.000.000 đồng** (Sáu trăm triệu đồng).

- *Nội dung:* Trang bị tivi, máy tính, máy in, mạng internet, wifi chuyên dụng cho 12 nhà văn hoá thôn thuộc xã.

+ *Kinh phí đề xuất:* **600.000.000 đồng** (Sáu trăm triệu đồng).

1.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực số

- *Nội dung:* Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ, kỹ năng khai thác và vận hành các phần mềm chuyên môn, quản trị dữ liệu, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) vào giải quyết công việc hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức xã; tổ chức hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền kỹ năng số, hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công, hướng dẫn cài đặt và kích hoạt ứng dụng định danh điện tử VNeID cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn nhằm vận hành đồng bộ, phát huy hiệu quả toàn bộ hạ tầng công nghệ mới đầu tư.

- *Kinh phí đề xuất:* **150.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi triệu đồng).

1.4. Hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số

- *Nội dung:* Hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số theo Nghị định 179/2025/NĐ-CP, ngày 01/07/2025 của Chính phủ.

- *Kinh phí đề xuất:* **60.000.000 đồng** (Sáu mươi triệu đồng).

2. Nhiệm vụ Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo

2.1. Xây dựng mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ

- *Nội dung:* Xây dựng và triển khai 01 mô hình ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, sinh học tại nông thôn để thúc đẩy kinh tế địa phương.

- *Kinh phí đề xuất:* **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng).

2.2. Hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã

- *Nội dung:* Bố trí nguồn vốn chi hỗ trợ trực tiếp phát triển các mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng giải pháp công nghệ mới của người dân, hộ kinh doanh hoặc doanh nghiệp trực tiếp tại xã Nguyễn Lương Bằng.

- *Kinh phí đề xuất:* **300.000.000 đồng** (Ba trăm triệu đồng).

2.3. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên

- *Nội dung:* Bố trí kinh phí chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên lĩnh vực khoa học, công nghệ cụ thể: Duy trì xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (TCVN ISO 9001:2015); duy trì, bảo quản

hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia; xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng thành phố cho sáng kiến; triển khai đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ...

- *Kinh phí đề xuất: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).*

V. KINH PHÍ ĐỀ XUẤT

Năm 2027, Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng lập dự toán ngân sách thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã với tổng kinh phí: **11.470.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu đồng).**

(Chi tiết có các biểu phụ lục kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

A. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Là đơn vị đầu mối, chủ trì tham mưu cho UBND xã trong việc xây dựng, cụ thể hóa và triển khai các kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ về KH, CN, ĐMST&CDS trên địa bàn.

- Định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, báo cáo kết quả và tiến độ cho UBND xã và cấp trên theo quy định. Đồng thời, chú động báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh kịp thời để UBND xã xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế để quản lý và triển khai kinh phí trên cơ sở nội dung từng nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, đảm bảo việc sử dụng nguồn lực hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát nhu cầu và đề xuất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng số, trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức tham gia công tác KH, CN, ĐMST&CDS.

2. Phòng Kinh tế xã

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội trong việc khảo sát, đề xuất mua sắm, nâng cấp hạ tầng mạng, thiết bị công nghệ thông tin (*máy tính, máy in, máy scan...*) phục vụ công tác chuyển đổi số và hoạt động của Trung tâm Phục vụ Hành chính công, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và an toàn thông tin.

- Phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy kinh tế số, hỗ trợ các cá nhân, hộ kinh doanh đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, và các hoạt động ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

3. Văn phòng HĐND - UBND xã

- Thực hiện việc tổng hợp, số hóa hồ sơ, dữ liệu hành chính theo yêu cầu chuyển đổi số, đảm bảo dữ liệu được thu thập, lưu trữ và khai thác hiệu quả.

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị chuyên môn cấp trên để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu và hệ thống thông tin nội bộ.

4. Cán bộ, công chức UBND xã:

- Chủ động tìm hiểu, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của KH, CN, ĐMST&CĐS và tích cực tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số.

- Tích cực ứng dụng các phần mềm, công cụ số vào công việc chuyên môn, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động của xã.

B. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ sớm ban hành các hướng dẫn cụ thể, quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục để các đơn vị cấp xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách cho KH, CN, ĐMST&CĐS.

2. Ưu tiên bố trí nguồn ngân sách sự nghiệp KH, CN, ĐMST&CĐS cho các nhiệm vụ, dự án của cấp xã đặc biệt là các sáng kiến giải quyết bài toán thực tiễn tại địa phương, phù hợp với các Nghị quyết, Chương trình quốc gia về chuyển đổi số.

3. Đề xuất có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ tài chính cho các sáng kiến đổi mới sáng tạo từ cấp cơ sở.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch KH,CN,ĐMST&CĐS năm 2026 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2027 với những nội dung chính sau: của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng. Yêu cầu các phòng, ban, cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo, hiệu quả, kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT ĐU, TT HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Cát

Phụ lục

TỔNG HỢP KINH PHÍ KHCN, ĐMST&CDS NĂM 2026 VÀ DỰ TOÁN 2027

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	KP KH, CN, ĐMST&CDS ĐƯỢC THỦ TƯỚNG GIAO NĂM 2026			DỰ TOÁN KINH PHÍ KHCN, ĐMST & CDS NĂM 2027	Kinh phí 2027 cho nhiệm vụ định hướng công nghệ chiến lược (triệu đồng) (*)	Kinh phí 2027 giao về Quỹ PTKHCN/ĐMST bộ ngành (triệu đồng) (**)
		TỔNG CỘNG	KINH PHÍ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/6	KINH PHÍ DỰ KIẾN GIẢI NGÂN 01/7 - 31/12			
A	B	(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Kinh phí KHCN, ĐMST&CDS (A+B)	390	73	390	11.470	0	0
A	Chi thường xuyên (I+II+III+IV)	0	0	0	0	0	0
I.	Chương trình/nhiệm vụ quốc gia/nhiệm vụ quốc gia đặc biệt/ nghiên cứu công nghệ chiến lược giao về bộ/ngành quản lý	0	0	0	0	0	0
	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
	Nhiệm vụ mở mới						
II.	Khoa học công nghệ						
1	Nghiên cứu cơ bản (Khoản 101)	0	0	0	0	0	0
a	Chi hỗ trợ thường xuyên (lương, hoạt động bộ máy)						
b	Chi nhiệm vụ						
b1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b2	Nhiệm vụ mở mới						
2	Nghiên cứu ứng dụng (Khoản 102)	0	0	0	0	0	0
a	Chi hỗ trợ thường xuyên (lương, hoạt động bộ máy)						
b	Chi thực hiện nhiệm vụ						

b1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b2	Nhiệm vụ mở mới						
3	Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội (Khoản 103)	0	0	0	0	0	0
a	Chi hỗ trợ thường xuyên (lương, hoạt động bộ máy)						
b	Chi thực hiện nhiệm vụ						
b1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b2	Nhiệm vụ mở mới						
4	Nghiên cứu định hướng công nghệ chiến lược (Khoản 104)	0	0	0	0	0	0
a	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b	Nhiệm vụ mở mới						
5	Hạ tầng, thiết bị phát triển công nghệ chiến lược (Khoản 105)	0	0	0	0	0	0
a	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b	Nhiệm vụ mở mới						
6	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ (Khoản 106)	0	0	0	0	0	0
6.1	Hỗ trợ nhà khoa học tham dự hội nghị, hội thảo; báo cáo công trình nghiên cứu xuất sắc						
6.2	Đoàn ra - đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu						
6.3	Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh; nhà khoa học trẻ xuất sắc; thu hút, đãi ngộ nhân tài, tổng công trình sư						

6.4	Hỗ trợ hoạt động sáng kiến, chi tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu						
6.5	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ khác						
7	Hạ tầng, thiết bị phát triển khoa học và công nghệ (Khoản 107)	0	0	0	0	0	0
a	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b	Nhiệm vụ mở mới						
8	Khoa học và công nghệ khác (Khoản 108)	0	0	0	150	0	0
a	Chi hỗ trợ thường xuyên (lương, hoạt động bộ máy)						
b	Chi quản lý của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ phát triển KH, CN&ĐMST của Bộ, ngành và địa phương (cho hoạt động KH&CN)						
c	Chi quản lý hoạt động KH, CN&ĐMST						
d	Chi hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ISO 9001:2015				100		
đ	Hỗ trợ đăng kí, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ				50		
e(các nội dung chi khác liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)						
III	Đổi mới sáng tạo (Khoản 111)	0	0	0	650	0	0
a	Chi hỗ trợ thường xuyên (lương, hoạt động bộ máy)						
	Chi quản lý của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia,						

	Quỹ phát triển KH, CN và ĐMST của Bộ, ngành và địa phương (cho hoạt động đổi mới sáng tạo)						
b	Hoạt động ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất công nghệ				100		
b.1	Nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ						
b.1.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b.1.2	Nhiệm vụ mở mới						
	Xây dựng và triển khai 01 mô hình ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, sinh học tại nông thôn để thúc đẩy kinh tế địa phương.				200		
b.2	Nhiệm vụ đổi mới công nghệ						
b.2.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b.2.2	Nhiệm vụ mở mới						
b.3	Phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng				50		
b.3.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b.3.2	Nhiệm vụ mở mới						
b.4	Nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo						
b.4.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b.4.2	Nhiệm vụ mở mới						

	Hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã				300		
b.5	Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay						
b.5.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b.5.2	Nhiệm vụ mở mới						
b.6	Nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher)						
b.6.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b.6.2	Nhiệm vụ mở mới						
c	Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo						
IV	Chuyển đổi số (Khoản 121)	0	0	0	10.670	0	0
a	Chi hỗ trợ thường xuyên (lương, hoạt động bộ máy)						
b	Hoạt động về chuyển đổi số, nền tảng số, trung tâm dữ liệu...						
b1	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
b2	Nhiệm vụ mở mới				10.010		
	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng				1.000		
	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin				1.000		

	Mua trang thiết bị phòng họp không giấy				600		
	Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực số				150		
	Số hóa dữ liệu các di tích				160		
	Trang bị Kiot toàn trình cho Trung tâm PVHCC				500		
	Điểm danh khuôn mặt và quản lý điều hành				100		
	Trang bị hệ thống camera an ninh tích hợp Camera AI phục vụ công tác an toàn an ninh của xã				5.000		
	Cài đặt bản quyền win, office cho hệ thống máy tính				900		
	Trang bị thiết bị mạng đáp ứng tiêu chí theo cấp độ an toàn thông tin cấp độ 2				600		
c	Các hoạt động chuyển đổi số khác				660		
	Trang bị tivi, máy tính, máy in, mạng internet, wifi chuyên dụng cho 12 nhà văn hoá thôn thuộc xã				600		
c1	Nhiệm vụ chuyên tiếp						
c2	Nhiệm vụ mở mới						
	Hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số	60	0	60	60		
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	0	0	0	0	0	0